TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN NAM** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HS-ST
Ngày: 23/5/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Đỗ Quốc Hội.

Các Hội thẩm nhân dân.

1/ Ông Nguyễn Thanh Phương;

2/ Ông Lê Chánh Ngôn.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tỉnh Bình Thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 23/5/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 56/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HS ngày 09/5/2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn N** - tên gọi khác: W, S; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1958, tại: thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: 232/21/18 B, phường X, quận Y, thành phố H; Chỗ ở hiện nay: 336 K, tổ z, khóm l, phường P, thị xã M, tỉnh V; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

- Tiền án:

+ Ngày 06/05/2014, Lê Văn N bị Toà án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01năm 01 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong ngày 08/12/2014.

+ Ngày 09/01/2017, Lê Văn N bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 27 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 03/2017/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/08/2018, tuy nhiên, đến nay Lê Văn N chưa chấp hành hình phạt bổ sung nên chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: Không có;

- Nhân thân:

+ Năm 1978 – 1982 Lê Văn N bị đưa đi cải tạo tập trung tại Đồng Tháp về hành vi "Trộm cắp tài sản".

+ Năm 1991- 1992 Lê Văn N bị đưa đi cưỡng bức lao động tại Trại Đồng Phú về hành vi "Trộm cắp tài sản".

+ Ngày 29/07/1993 Lê Văn N bị Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong ngày 29/10/1995.

+ Ngày 08/07/1998, Lê Văn N bị Toà án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong ngày 29/04/2002.

+ Ngày 14/10/2003 Lê Văn N bị Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", chấp hành xong ngày 23/03/2009.

*** Quan hệ gia đình:** Cha: Lê Văn B, sinh năm 1930 (đã chết); Mẹ: Trần Thị T, sinh năm 1933 (đã chết); Gia đình có 03 chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1955, nhỏ nhất sinh năm 1962, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Tất cả có HKTT tại: 232/21/18 B, phường X, quận Y, thành phố H;

- Vợ: Dương Thị Kim A, sinh năm 1958, nghề nghiệp: Nội trợ; có 02 người con (con lớn sinh năm 1982, con nhỏ sinh năm 1989). Cư trú tại: số 336 K, tổ z, khóm l, phường P, thị xã M, tỉnh V.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 08/01/2024, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hàm Thuận Nam.

2. Họ và tên: **Lê Chí H** - Tên gọi khác: (Không có); Giới tính: Nam; Sinh năm: 1974, tại: Vĩnh Long; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh V; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

- Tiền án: (Không có)

- Tiền sự: Ngày 15/5/2023 bị chủ tịch Uỷ ban nhân dân phường Cái Vồn thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định xử phạt vi hành chính với số tiền 2.500.000 đồng, theo Quyết định số: 60/QĐ-UBND, về hành vi "Trộm cắp tài sản", đến nay chưa thi hành xong, chưa được xoá tiền sự.

*** Quan hệ gia đình:** Cha: Lê X, sinh năm 1932 (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1932 (đã chết); Gia đình có 06 anh, chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1958, nhỏ nhất là bị cáo. Vợ: Võ Thị Bích P, sinh năm 1977, nghề nghiệp: Buôn bán. Con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2011. Tất cả có nơi đăng ký thường trú tại: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh V;

Bị cáo bị bắt giữ ngày 08/01/2024, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hàm Thuận Nam.

(Các bị cáo bị tạm giam có mặt tại phiên tòa - điểm cầu thành phần - Nhà tạm giữ Công an huyện Hàm Thuận Nam).

- *Bị hại:*

+ Bà Phan Thị Minh Y, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện N, tỉnh B. (vắng mặt – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện N, tỉnh B. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Lê Chí Đ1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khu phố 2, phường T, thành phố P, tỉnh B. (vắng mặt – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

Ông Trần Trung T2, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn X, xã N, thành phố P, tỉnh B. (vắng mặt – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

(Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng tham gia tại điểm cầu trung tâm – Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án đối với hành vi của các bị cáo được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 05 và 06/01/2024 Lê Chí H, Lê Văn N và Nguyễn Thanh S, sinh năm 1976 (trú ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh V) cùng nhau thực hiện liên tiếp hai vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ ngày 05/01/2024, Lê Văn N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 59Y1- 483.23 hiệu Yamaha màu vàng đen, còn Lê Chí H điều khiển xe mô tô của Nguyễn Thanh S chở S đi sau từ Phan Thiết đến xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam. Khi đến quán tạp hoá 77 (tại thôn S, xã H, huyện N) do chị Phan Thị Minh Y, sinh năm 1970 (trú thôn S, xã H, huyện N) làm chủ. Sau khi, Sơn đi vào mua đồ và quan sát thấy có một mình chị Y ở tại quán tạp hoá nên S đi ra, lúc này N đi xe tới và dừng xe bên ngoài đường Quốc lộ 1A phía trước tiệm tạp hoá 77 của chị Y rồi gọi chị Y bán cho N 02 gói thuốc ba số 5 và 02 gói thuốc Sài Gòn (nhưng N không đi vào bên trong quán mà đứng ngoài đường) để cho chị Y mang ra còn S và H đứng gần quán tạp hoá. Khi thấy chị Y mang thuốc lá ra cho N, S lén lút đi vào bên trong quán lấy trộm các tài sản như: điện thoại di động, card điện thoại, tiền…, nhằm kéo dài thời gian và đánh lạc hướng để cho Sơn đi vào lấy tài sản thì N đã cố ý trả tiền mệnh giá nhỏ (như 500 đồng, 1.000 đồng) nhằm mục đích cho chị Y đếm lâu và không chú ý. Sau khi S lấy được tài sản đi ra và lên xe do H điều khiển tẩu thoát thì N cũng tính tiền xong rồi lên xe chạy theo H và S về lại nhà nghỉ V ở xã N, thành phố P rồi chia nhau tiêu xài.

Sau khi bán đồ cho N xong, chị Y đi vào kiểm tra thì phát hiện tài sản bị mất trộm gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S (theo lời khai của chị Y thì điện thoại trên chị mua vào năm 2016 trị giá 18.000.000 đồng); thẻ cào điện thoại của nhiều nhà mạng (Viettel, Vinaphone, mobifone, Vienammobile) với những mệnh giá khác nhau có tổng trị giá khoảng 2.960.000 đồng và tiền Việt Nam đồng là 1.500.000 đồng. Sau đó, chị Y đã trình báo cho Công an xã H, huyện N.

Vụ thứ hai: Cũng với thủ đoạn như vụ thứ nhất, khoảng 08 giờ ngày 06/01/2024, Nguyễn Thanh S, Lê Văn N và Lê Chí H đến quán tạp hoá V (tại thôn P, xã H, huyện N) của chị Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1998 (trú thôn P, xã H, huyện N) làm chủ, S đi vào mua đồ và quan sát thấy có một mình chị T1 ở tại quán tạp hoá và tài sản để trong tủ. Sau khi, S mua đồ xong đi ra rồi ra hiệu cho N điều khiển xe đi tới và dừng xe trước quán ngoài đường Quốc lộ 1A bên cạnh quán tạp hoá V của chị T1 rồi gọi chị T1 bán cho N 02 gói thuốc lá ba số 5 và 02 gói thuốc lá Sài Gòn (nhưng N không đi vào bên trong quán mà đứng ngoài đường) để cho chị T1 mang ra, còn S và H đứng gần quán tạp hoá quan sát. Khi thấy chị T1 mang đồ ra cho N thì S lẻn vào bên trong quán lấy trộm tài sản như: điện thoại di động, card điện thoại, tiền…, nhằm kéo

dài thời gian và đánh lạc hướng tầm nhìn của chị Tuyết để cho Sơn lấy trộm được tài sản thì Ngoan đã cố ý trả tiền với mệnh giá nhỏ nhằm mục đích cho chị Tuyết đếm lâu và không chú ý. Sau khi Sơn lấy được tài sản đi ra và lên xe do Hùng điều khiển tẩu thoát thì Ngoan cũng tính tiền xong rồi lên xe chạy theo Hùng và Sơn về lại Nhà nghỉ Vườn Xanh ở xã Phong Nẫm, thành phố Phan Thiết rồi chia nhau tiêu xài. Riêng điện thoại di động hiệu Oppo A54 màu xanh (tài sản trộm cắp) Sơn mang đến tiệm cầm đồ của ông Lê Chí Đ1 (P) cầm cố được 1.000.000 đồng.

Sau khi chị T1 bán đồ cho N xong đi vào kiểm tra thì phát hiện tài sản bị mất trộm gồm: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A53 màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54 màu xanh (theo lời khai của chị T1 thì 02 điện thoại trên chị mua vào tháng 7/2022 với giá 4.490.000 đồng và mua tháng 9/2022 với giá 3.990.000 đồng); thẻ cào điện thoại của nhiều nhà mạng (Viettel, Vinaphone, mobifone, Vienammobile) với những mệnh giá khác nhau có tổng trị giá khoảng 4.600.000 đồng và tiền Việt Nam đồng là 6.000.000 đồng. Sau đó, chị T1 đã trình báo cho Công an xã H, huyện N.

*** Tang vật thu giữ gồm**:

+ Thẻ cào Viettel chưa qua sử dụng gồm: 24 thẻ mệnh giá 10.000đồng; 46 thẻ mệnh giá 20.000 đồng; 13 thẻ mệnh giá 50.000 đồng;

+ Thẻ cào Vinaphone chưa qua sử dụng gồm: 14 thẻ mệnh giá 10.000đồng; 19 thẻ mệnh giá 20.000 đồng;

+ Thẻ cào mobifone chưa qua sử dụng gồm: 14 thẻ mệnh giá 20.000đồng; 08 thẻ mệnh giá 50.000 đồng;

+ Thẻ cào Vienammobile chưa qua sử dụng gồm: 10 thẻ mệnh giá 20.000đồng; 12 thẻ mệnh giá 50.000 đồng;

+ Thẻ cào Viettel đã qua sử dụng gồm: 09 thẻ mệnh giá 100.000đồng; 21 thẻ mệnh giá 50.000 đồng; 01 thẻ mệnh giá 200.000 đồng;

+ Thẻ cào Vinaphone đã qua sử dụng gồm: 17 thẻ mệnh giá 50.000đồng; 05 thẻ mệnh giá 100.000 đồng;

+ Thẻ cào Mobifone đã qua sử dụng gồm: 01 thẻ mệnh giá 100.000đồng; 03 thẻ mệnh giá 50.000 đồng;

+ 01 giấy biên nhận cầm đồ Trường Thịnh;

+ Tiền mặt (VNĐ) 1.940.000 đồng (thu giữ của Lê Văn N); 100.000 đồng trong giỏ sách hiệu Jielshi màu đen;

+ 01 điện thoại hiệu OPPO màu xanh đậm số IMEI1: 866988040267691; số IMEI2: 866988040267683 (thu giữ của Lê Chí H);

+ 01 điện thoại OPPO A54 màu xanh đen số IMEI1: 862366052430453; số IMEI2: 862366052430446 (Thu giữ tại tiệm cầm đồ Trường Thịnh);

+ 01 điện thoại Sam sung màu xanh; 03 điện thoại Nokia (thu giữ của Lê Văn N);

+ 01 dùi cui điện; 01 dao bấm;

+ 01 xe mô tô BKS 59Y1- 483.23 hiệu Yamaha màu vàng đen và 01 đăng ký xe mô tô số 006078 mang tên Lê Văn N (thu giữ của Lê Văn N).

*** Tại Bản kết luận định giá tài sản số 11/2024-HDĐG ngày 22/02/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng huyện Hàm Thuận Nam kết luận:**

+ 01 điện thoại di động Oppo A54 màu xanh đen có giá trị là 2.593.500 đồng.

+ Riêng 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S và 01 điện thoại di động Oppo A53 màu xanh, hiện nay những tài sản này chưa được thu hồi và người bị hại cũng không cung cấp được các thông tin có liên quan. Vì vậy, Hội đồng định giá không có cơ sở để tiến hành khảo sát và xác định giá trị cụ thể đối với các tài sản nêu trên.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Đối với bị hại chị Phan Thị Minh Y yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị tổng giá trị tài sản là 7.500.000 đồng (trong đó tiền mặt là 1.500.000 đồng; thẻ cào điện thoại là 2.000.000 đồng; tiền giá trị điện thoại Iphone 6S là 4.000.000 đồng).

Bị hại chị Nguyễn Thị Hồng T1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị tổng giá trị tài sản là 12.100.000 đồng (trong đó tiền mặt là 6.000.000 đồng; thẻ cào điện thoại là 4.600.000 đồng; tiền giá trị điện thoại Oppo A53 là 1.500.000 đồng). Riêng điện thoại Oppo A54 màu xanh đen do đã thu hồi được nên chị T1 không yêu cầu gì về phần dân sự.

Đến nay các bị cáo chưa bồi thường cho các bị hại. Ngày 17/5/2024, bị cáo Lê Chí H đã nộp số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại; hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam đang quản lý – theo "Biên lai thu tiền" đề ngày 17/5/2024.

- Đối với Lê Chí Đ1, quá trình điều tra xác định Đ1 không biết chiếc điện thoại di động Oppo A54 của chị Nguyễn Thị Hồng T1 do Nguyễn Thanh S trộm cắp mà có mang đến cầm cố cho Đ1 để vay số tiền là 1.000.000 đồng; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Điều 323 BLHS là có căn cứ; do Lê Chí Đ1 đã giao nộp chiếc điện thoại trên lại cho Cơ quan điều tra nên Đ1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 (một triệu đồng) - số tiền mà Đ1 đã cầm cố chiếc điện thoại trên.

Tại bản Cáo trạng số 60/CT-VKSHTN-HS ngày 02/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam truy tố bị cáo Lê Chí H về tội: "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo Lê Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn N và Lê Chí H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, 58 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Lê Văn N từ 04 (Bốn) năm tù đến 05 (Năm) năm tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Lê Chí H từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ Luật tố tụng hình sự;

Đối với 01 xe mô tô BKS 59Y1- 483.23 hiệu Yamaha màu vàng đen và 01 đăng ký xe mô tô số 006078 mang tên Lê Văn N, quá trình điều tra đã xác định đây là tài sản của bị cáo Lê Văn N dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội và có giá trị sử dụng nên đề nghị tuyên tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

Đối với 01 dùi cui điện; 01 dao bấm; 01 giỏ sách hiệu Jielshi màu đen; 09 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000đồng; 21 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000 đồng; 01 thẻ cào Viettel mệnh giá 200.000đồng; 17 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 50.000đồng; 05 thẻ

cào Vinaphone mệnh giá 100.000đồng; 01 thẻ cào mobifone mệnh giá 100.000đồng; 03 thẻ cào Mobifone mệnh giá 50.000đồng (tất cả các thẻ cào đã qua sử dụng) là công cụ, tang vật liên quan đến việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 2.040.000 đồng, quá trình điều tra đã xác định đây là tài sản của bị cáo Lê Văn N do bị cáo N chưa bồi thường cho các bị hại chị Y và chị T1 nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại Sam sung màu xanh số IMEI1: 353319903717977; số IMEI2: 353319903717970; 03 điện thoại Nokia (thu giữ của Lê Văn N) và 01 điện thoại hiệu OPPO màu xanh đậm số IMEI1: 866988040267691; số IMEI2: 866988040267683 (thu giữ của Lê Chí H), quá trình điều tra đã xác định đây là tài sản của bị can N và H do các bị cáo N và H chưa bồi thường cho các bị hại là chị Y và chị T1 nên đề nghị tuyên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Số vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam đang quản lý – theo "Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng" đề ngày 22/5/2024.

Ngày 17/5/2024, bị cáo Lê Chí H đã nộp số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại; hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam đang quản lý – theo "Biên lai thu tiền" đề ngày 17/5/2024, đề nghị tuyên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động Oppo A54 màu xanh đen (số IMEI1: 862366052430453; số IMEI2: 862366052430446); Quá trình điều tra đã xác định rõ là tài sản của chị Nguyễn Thị Hồng T1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Thuận Nam đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là chị T1.

Đối với 24 thẻ cào Viettel mệnh giá 10.000đồng; 46 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đồng; 13 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đồng; 14 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 10.000đồng; 19 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000đồng; 14 thẻ cào Mobifone mệnh giá 20.000đồng; 8 thẻ cào mobifone mệnh giá 50.000đồng; 10 thẻ cào Vienammobile mệnh giá 20.000đồng; 12 thẻ cào Vienammobile mệnh giá 50.000đồng (tất cả chưa qua sử dụng). Quá trình điều tra đã xác định rõ là tài sản của chị Phan Thị Minh Y và chị Nguyễn Thị Hồng T1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Thuận Nam đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là chị Y và chị T1.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Quá trình giải quyết vụ án, bị hại là bà Phan Thị Minh Y yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền là 7.500.000 đồng (trị giá số tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt, không thu hồi được, trong đó tiền mặt là 1.500.000 đồng; trị giá thẻ cào điện thoại là 2.000.000 đồng; tiền giá trị điện thoại Iphone 6S là 4.000.000 đồng). Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý với yêu cầu bồi thường của của bị hại. Do vậy, đề nghị tuyên buộc các bị cáo Lê Văn N và Lê Chí H phải liên đới trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Phan Thị Minh Y số tiền là 7.500.000 đồng (trị giá số tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt, không thu hồi được, trong đó tiền mặt là 1.500.000 đồng; trị giá thẻ cào điện thoại là 2.000.000 đồng; tiền giá trị điện thoại Iphone 6S là 4.000.000 đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Y số tiền 3.750.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị hại Nguyễn Thị Hồng T1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng giá trị tài sản là 12.100.000 đồng (trong đó tiền mặt là 6.000.000 đồng; thẻ cào điện thoại là 4.600.000 đồng; tiền giá trị điện thoại Oppo A53 là 1.500.000 đồng). Riêng điện thoại Oppo A54 màu xanh đen do đã thu hồi được nên bà T1 không yêu cầu gì về phần dân sự. Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị Hồng T1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường trị giá số thẻ cào điện thoại là 4.600.000 đồng, chỉ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền là 7.500.000 đồng (tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt tiền mặt là 6.000.000 đồng; giá trị điện thoại Oppo A53 là 1.500.000 đồng). Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý với yêu cầu bồi thường của của bị hại. Do vậy, đề nghị tuyên buộc các bị cáo Lê Văn N và Lê Chí H phải liên đới trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Hồng T1 số tiền là 7.500.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà T1số tiền 3.750.000 đồng.

- Đối với Lê Chí Đ1, quá trình điều tra xác định Đ1 không biết chiếc điện thoại di động Oppo A54 màu xanh đen là do Nguyễn Thanh S trộm cắp mà có của chị Nguyễn Thị Hồng T1 (vụ thứ hai) mang đến cầm cố cho mình lấy số tiền là 1.000.000 đồng. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Điều 323 BLHS là có căn cứ; ông Đ1 đã giao nộp chiếc điện thoại trên lại cho Cơ quan điều tra. Ông Lê Chí Đ1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 1.000.000 (một triệu đồng). Do đó, đề nghị tuyên buộc các bị cáo liên đới trách nhiệm bồi thường cho ông Lê Chí Đ1 số tiền 1.000.000 (một triệu đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Đ1 số tiền là 500.000 đồng.

Đối với đối tượng Nguyễn Thanh S, quá trình điều tra hiện S không có mặt tại nơi cư trú. Do đó, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm nhưng đến nay vẫn không xác định được S đang ở đâu. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách hành vi của Sơn để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều trình bày cảm thấy hối hận về hành vi đã thực hiện. Các bị cáo không có ý kiến, tranh luận gì thêm; tất cả các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm có cơ hội được trở về với gia đình, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy trình của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa, bị hại là bà Phan Thị Minh Y, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Lê Chí Đ1, Người làm chứng là ông Trần Trung T2 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, trong hồ sơ vụ án đã thu thập lời khai của những người này, sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về cấu thành tội phạm:

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Các bị cáo trong vụ án là những công dân có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì muốn có tiền để phục vụ mục đích tiêu xài cá nhân nhưng lại không muốn bỏ sức lao động để kiếm tiền một cách chân chính, các bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, trong ngày 05/01/2024 các bị cáo Lê Văn N, Lê Chí H và đối tượng Nguyễn Thanh S đã lén lút

vào quán tạp hoá 77 do chị Phan Thị Minh Y làm chủ (ở thôn S, xã H, huyện N) chiếm đoạt các tài sản gồm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S; thẻ cào điện thoại chưa qua sử dụng với những mệnh giá khác nhau của nhiều nhà mạng (như Viettel, Vinaphone, Mobifone, Vienammobile) có tổng trị giá 2.960.000 đồng và tiền Việt Nam đồng là 1.500.000 đồng và trong ngày 06/01/2024 các bị cáo Lê Văn N, Lê Chí H và đối tượng Nguyễn Thanh S lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản quán tạp hoá V (ở thôn P, xã H, huyện N) do chị Nguyễn Thị Hồng T1, làm chủ chiếm đoạt các tài sản gồm 01 điện thoại OPPO A53 màu xanh; 01 điện thoại di động Oppo A54 màu xanh đen có giá trị là 2.593.500 đồng; thẻ cào điện thoại chưa qua sử dụng với những mệnh giá khác nhau của nhiều nhà mạng (như Viettel, Vinaphone, mobifone, Vienammobile) có tổng trị giá 4.600.000 đồng và tiền Việt Nam đồng là 6.000.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Lê Văn N, Lê Chí H là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Hành vi của bị cáo Lê Chí H đã đủ yếu tố cấu thành tội: "*Trộm cắp tài sản*", tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; Đối với bị cáo Lê Văn N vào ngày 06/5/2014 đã bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 13 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 110/2014/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/12/2014. Đến ngày 09/01/2017 Lê Văn N bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 27 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", với tình tiết tăng nặng "Tái phạm", theo Bản án số 03/2017/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/08/2018, tuy nhiên, đến nay Lê Văn N chưa chấp hành hình phạt bổ sung nên chưa được xóa án tích nay tiếp tục phạm tội cố ý nên thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm"; do đó, hành vi của bị cáo Lê Văn N đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như nội dung Cáo trạng đã truy tố và quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án, có sự tham gia của nhiều người mặc dù khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có sự bàn bạc phân công vai trò của từng bị cáo, nhưng cấu kết không chặt chẽ, sự đồng phạm mang tính chất giản đơn; trong đó, đối tượng Nguyễn Thanh S là người trực tiếp khởi xướng, còn Lê Văn N và Lê Chí H là những người thực hành tích cực.

[5] Về các yếu tố nhân thân, tiền án, tiền sự; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo trong vụ án đều có nhân thân xấu, Lê Chí H có 01 tiền sự về hành vi "trộm cắp tài sản"; bị cáo Lê Văn N đã nhiều lần bị cơ quan nhà nước xử lý hành chính, bị Tòa án xét xử về hành vi "trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích, nay tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm"; tuy nhiên, do bị cáo đã bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng hình phạt nên Tòa án không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo N.

Trong vụ án, Lê Văn N và Lê Chí H đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý, nên hành vi phạm tội lần này của các bị cáo thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên", là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và qua diễn biến phiên tòa, HĐXX nhận thấy, các bị cáo đều có thái độ "thành khẩn khai báo" về hành vi phạm tội; qua diễn biến phiên tòa thể hiện sự ăn năn, hối cải đối với hành vi của mình; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng đối với các bị cáo.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo Lê Chí H đã tác động gia đình nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam để thực hiện bồi thường cho các Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn N trình bày ý kiến tự nguyện dùng số tiền 2.040.000 đồng (của bị cáo đã bị thu giữ, không liên quan đến vụ án) để thực hiện bồi thường cho các Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Hội đồng xét xử xem đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo N

[6] Về quyết định hình phạt: Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hình sự; HĐXX xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một khoảng thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, cần xem xét đầy đủ các tình tiết liên quan, các yếu tố nhân thân, tính chất, mức độ hành vi, đánh giá vai trò của mỗi bị cáo trong vụ án để cá thể hóa trách nhiệm hình sự, quyết định mức hình phạt phù hợp đối với mỗi bị cáo, đủ để trừng trị, giáo dục, cải tạo

các bị cáo, đồng thời để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội, góp phần lập lại tình hình trật tự trị an ở địa phương.

Đối với đối tượng Nguyễn Thanh S, quá trình điều tra hiện S không có mặt tại nơi cư trú. Do đó, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm nhưng đến nay vẫn không xác định được S đang ở đâu. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách hành vi của Sơn để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ Luật tố tụng hình sự, HĐXX xét thấy:

Đối với 01 xe mô tô BKS 59Y1- 483.23 hiệu Yamaha màu vàng đen và 01 đăng ký xe mô tô số 006078 mang tên Lê Văn N, quá trình điều tra đã xác định đây là tài sản của bị cáo Lê Văn N dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội và có giá trị sử dụng nên cần phải tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

Đối với 01 dùi cui điện; 01 dao bấm; 01 giỏ sách hiệu Jielshi màu đen; 09 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000đồng; 21 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000 đồng; 01 thẻ cào Viettel mệnh giá 200.000đồng; 17 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 50.000đồng; 05 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 100.000đồng; 01 thẻ cào Mobifone mệnh giá 100.000đồng; 03 thẻ cào Mobifone mệnh giá 50.000đồng (tất cả các thẻ cào đã qua sử dụng) là công cụ, tang vật liên quan đến việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần phải tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 2.040.000 đồng, quá trình điều tra đã xác định đây là tài sản của bị cáo Lê Văn N do bị cáo Ngoan chưa thực hiện bồi thường cho các bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án phần bồi thường dân sự.

Đối với 01 điện thoại Sam Sung màu xanh số IMEI1: 353319903717977; số IMEI2: 353319903717970; 03 điện thoại Nokia (thu giữ của Lê Văn N) và 01 điện thoại hiệu OPPO màu xanh đậm số IMEI1: 866988040267691; số IMEI2: 866988040267683 (thu giữ của Lê Chí H), quá trình điều tra đã xác định đây là tài sản của bị cáo N và H do các bị cáo N và H chưa thực hiện bồi thường cho các Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án phần bồi thường dân sự.

Số vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam đang quản lý – theo "Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng" đề ngày 22/5/2024.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) mà gia đình bị cáo Lê Chí H đã nộp để bồi thường thiệt hại; hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam đang quản lý – theo "Biên lai thu tiền" đề ngày 17/5/2024, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án phần bồi thường dân sự.

Đối với 01 điện thoại di động Oppo A54 màu xanh đen (số IMEI1: 862366052430453; số IMEI2: 862366052430446); Quá trình điều tra đã xác định rõ là tài sản của chị Nguyễn Thị Hồng T1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Thuận Nam đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là chị Tuyết.

Đối với 24 thẻ cào Viettel mệnh giá 10.000đồng; 46 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đồng; 13 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đồng; 14 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 10.000đồng; 19 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000đồng; 14 thẻ cào mobifone mệnh giá 20.000đồng; 8 thẻ cào Mobifone mệnh giá 50.000đồng; 10 thẻ cào Vienammobile mệnh giá 20.000đồng; 12 thẻ cào Vienammobile mệnh giá 50.000đồng (tất cả chưa qua sử dụng). Quá trình điều tra đã xác định rõ là tài sản của chị Phan Thị Minh Y và chị Nguyễn Thị Hồng T1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Thuận Nam đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là chị Y và chị T1

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Quá trình giải quyết vụ án, bị hại là bà Phan Thị Minh Y yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền là 7.500.000 đồng (trị giá số tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt, không thu hồi được, trong đó tiền mặt là 1.500.000 đồng; trị giá thẻ cào điện thoại là 2.000.000 đồng; tiền giá trị điện thoại Iphone 6S là 4.000.000 đồng). Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý với yêu cầu bồi thường của của bị hại. Do vậy, cần buộc các bị cáo Lê Văn N và Lê Chí H phải liên đới trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Phan Thị Minh Y số tiền là 7.500.000 đồng (trị giá số tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt, không thu hồi được, trong đó tiền mặt là 1.500.000 đồng; trị giá thẻ cào điện thoại là 2.000.000 đồng; tiền giá trị điện thoại Iphone 6S là 4.000.000 đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Y số tiền 3.750.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị hại Nguyễn Thị Hồng T1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng giá trị tài sản là 12.100.000 đồng (trong đó tiền mặt là 6.000.000 đồng;

thẻ cào điện thoại là 4.600.000 đồng; tiền giá trị điện thoại Oppo A53 là 1.500.000 đồng). Riêng điện thoại Oppo A54 màu xanh đen do đã thu hồi được nên bà T1 không yêu cầu gì về phần dân sự. Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị Hồng T1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường trị giá số thẻ cào điện thoại là 4.600.000 đồng, chỉ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền là 7.500.000 đồng (tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt tiền mặt là 6.000.000 đồng; giá trị điện thoại Oppo A53 là 1.500.000 đồng). Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý với yêu cầu bồi thường của bị hại. Do vậy, cần buộc các bị cáo Lê Văn N và Lê Chí H phải liên đới trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Hồng T1 số tiền là 7.500.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà T1 số tiền 3.750.000 đồng.

- Đối với Lê Chí Đ1, quá trình điều tra xác định Đ1 không biết chiếc điện thoại di động Oppo A54 màu xanh đen là do Nguyễn Thanh S trộm cắp mà có của chị Nguyễn Thị Hồng T1 (vụ thứ hai) mang đến cầm cố cho mình lấy số tiền là 1.000.000 đồng. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Điều 323 BLHS là có căn cứ; ông Đ1 đã giao nộp chiếc điện thoại trên lại cho Cơ quan điều tra. Ông Lê Chí Đ1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 1.000.000 (một triệu đồng). Do đó, cần buộc các bị cáo phải liên đới trách nhiệm bồi thường cho ông Lê Chí Đ1 số tiền 1.000.000 (Một triệu đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Đ1 số tiền là 500.000 đồng.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, do trước thời điểm mở phiên tòa, bị cáo Lê Chí H đã tác động gia đình nộp số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để bồi thường thiệt hại; tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn N tự nguyện đề nghị dùng số tiền 2.040.000 đồng (quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo Lê Văn N – không liên quan đến vụ án) để thực hiện bồi thường cho các Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; do vậy, các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần phần tiền đã tự nguyện nộp để bồi thường thiệt hại; tuy nhiên vẫn phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ chưa nộp để bồi thường theo mức quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn N và Lê Chí H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1.1 Căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn N 05 (Năm) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 08/01/2024).

1.2 Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Chí H 02 (Hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 08/01/2024).

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ Luật tố tụng hình sự;

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô BKS 59Y1- 483.23 hiệu Yamaha màu vàng đen và 01 đăng ký xe mô tô số 006078 mang tên Lê Văn N.

Tịch thu tiêu hủy: 01 dùi cui điện; 01 dao bấm; 01 giỏ sách hiệu Jielshi màu đen; 09 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000đồng; 21 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000 đồng; 01 thẻ cào Viettel mệnh giá 200.000đồng; 17 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 50.000đồng; 05 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 100.000đồng; 01 thẻ cào Mobifone mệnh giá 100.000đồng; 03 thẻ cào Mobifone mệnh giá 50.000đồng (tất cả các thẻ cào trên đã qua sử dụng).

Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại Sam Sung màu xanh số IMEI1: 353319903717977; số IMEI2: 353319903717970; 03 điện thoại Nokia (thu giữ của Lê Văn N) và 01 điện thoại hiệu OPPO màu xanh đậm số IMEI1: 866988040267691; số IMEI2: 866988040267683 (thu giữ của Lê Chí H) để đảm bảo việc thi hành án phần bồi thường dân sự.

Số vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam đang quản lý – theo "Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng" đề ngày 22/5/2024.

Tiếp tục tạm giữ: Số tiền 5.000.000 đồng mà gia đình bị cáo Lê Chí H đã nộp để bồi thường thiệt hại - hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam đang quản lý – theo "Biên lai thu tiền" đề ngày 17/5/2024; số tiền 2.040.000 đồng đã thu giữ của bị cáo Lê Văn N - hiện đang được tạm giữ trong tài khoản số 3949.0.10544626.00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam mở tại

Kho bạc Nhà nước huyện Hàm Thuận Nam - theo Giấy nộp tiền ngày 22/5/2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Hàm Thuận Nam phát hành - để đảm bảo thi hành án phần bồi thường dân sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc các bị cáo Lê Văn N và Lê Chí H phải liên đới trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Phan Thị Minh Y số tiền là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Y số tiền là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Buộc các bị cáo Lê Văn N và Lê Chí H phải liên đới trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Hồng T1 số tiền là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà T1 số tiền là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Buộc các bị cáo Lê Văn N và Lê Chí H liên đới trách nhiệm bồi thường cho ông Lê Chí Đ1 số tiền 1.000.000 (một triệu đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Đ1 số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Căn cứ: khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Văn N và Lê Chí H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo phải nộp số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng);

Buộc các bị cáo Lê Văn N và Lê Chí H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, mỗi bị cáo phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

5. Về kháng cáo: Các bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23.5.2024). Người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên

tòa, có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Như Điều 262 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Quốc Hội

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA